

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HUỶNH NGỌC ANH THU'

GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA RỦI RO TÍN DỤNG
TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CHI NHÁNH QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số : 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. LÂM CHÍ DŨNG

Phản biện 1: PGS.TS. Võ Thị Thuý Anh

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 03 năm 2013.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Đà Nẵng, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, rủi ro trong kinh doanh là không thể tránh khỏi, mà đặc biệt là rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng có phản ứng dây chuyền, lây lan và ngày càng có biểu hiện phức tạp.

Trên thế giới người ta thống kê được rất nhiều loại rủi ro có hữu trong hoạt động Ngân hàng. Song được quan tâm nhất là rủi ro tín dụng bởi vì trên thực tế, phần lớn thu nhập của các NHTM là từ hoạt động kinh doanh tín dụng, hơn nữa đây lại là lĩnh vực kinh doanh tiềm ẩn nhiều rủi ro nhất trong các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Thực tế cho thấy, môi trường kinh doanh ngân hàng trong thời gian qua ngày càng trở nên khó khăn, lãi suất trên thị trường thế giới liên tục giảm gây áp lực lên hệ thống ngân hàng Việt Nam. Mặt khác, bản thân các ngân hàng trong nước cũng có sự cạnh tranh quyết liệt với nhau nên càng gây ra nhiều khó khăn, buộc các ngân hàng phải nói lỏng các yêu cầu khi cho vay cũng như cắt giảm lãi suất sẽ tạo ra nhiều nguy cơ rủi ro trong hoạt động tín dụng. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh cũng ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp và do đó gián tiếp ảnh hưởng đến các ngân hàng. Các doanh nghiệp vì mục tiêu lợi nhuận có thể sử dụng vốn vay của ngân hàng không đúng mục đích hoặc đầu tư không hiệu quả, thu nhập không đủ bù đắp chi phí... dẫn đến không thể trả được nợ ngân hàng khi đến hạn, tất cả những điều đó đều có thể gián tiếp gây ra rủi ro cho ngân hàng đặc biệt là rủi ro đối với hoạt động tín dụng. Vì vậy, trong thời gian tới việc phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng là thực sự có ý nghĩa và luôn là một đề tài bức xúc đối với các Ngân hàng thương mại Việt

Nam. Tìm được các biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng để tăng hiệu quả trong kinh doanh ngân hàng là mong muốn của tất cả các nhà kinh doanh tiền tệ khi phải đối đầu với sự cạnh tranh quyết liệt, giành giật thị phần để mang lại lợi nhuận.

Rủi ro tín dụng bao gồm rủi ro xảy ra trong hoạt động cho vay, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các các nghiệp vụ cấp tín dụng khác. Hoạt động tín dụng tại các NHTM Việt Nam hiện nay nói chung và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng nói riêng phần lớn tập trung vào hoạt động cho vay, do đó rủi ro tín dụng chủ yếu phát sinh từ hoạt động này. Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng, hoạt động cho vay doanh nghiệp chiếm tỷ trọng hơn 50% trên tổng dư nợ, nợ xấu có xu hướng tăng cao mà chủ yếu là phát sinh từ cho vay doanh nghiệp.

Nhận thức được điều đó, cùng với mong muốn sử dụng những kiến thức đã học cũng như các kết quả quan sát học hỏi từ thực tiễn hoạt động em đã lựa chọn đề tài nghiên cứu là: ***“Giải pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng.”***

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu nhằm mục đích giải quyết ba vấn đề cơ bản sau:

- Làm sáng rõ một số vấn đề cơ bản về cơ sở lý luận về phòng ngừa rủi ro tín dụng tại ngân hàng. Đồng thời đưa ra một số chỉ tiêu nhằm đánh giá kết quả phòng ngừa rủi ro tín dụng tại ngân hàng.

- Phân tích thực trạng phòng ngừa rủi ro tín dụng tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh quận Sơn Trà – TP

Đà Nẵng, từ đó đưa ra những thành tựu đạt được và những tồn tại, nguyên nhân của hoạt động phòng ngừa rủi ro tín dụng tại chi nhánh.

- Từ những nhận định trên về tình hình phòng ngừa rủi ro tín dụng tại chi nhánh, đưa ra những kiến nghị và đề xuất giải pháp có thể áp dụng trong thực tiễn nhằm phòng ngừa rủi ro dụng tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là Những vấn đề về lý luận và thực tiễn liên quan đến công tác phòng ngừa rủi ro tín dụng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Về nội dung: Công tác phòng ngừa rủi ro tín dụng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng thông qua các chỉ tiêu đánh giá kết quả phòng ngừa rủi ro tín dụng .

- Về thời gian: Khảo sát thực trạng phòng ngừa rủi ro tín dụng tại chi nhánh trong thời gian 03 năm từ năm 2009 đến năm 2011.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu của đề tài là kết hợp giữa lý thuyết đã học với thực tiễn từ công việc phòng ngừa rủi ro tín dụng. Trên cơ sở đó thu thập thông tin, số liệu của ngân hàng và phân tích, đánh giá kết quả phòng ngừa rủi ro tín dụng tại ngân hàng để từ đó đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề.

- Phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng: xem xét đối tượng nghiên cứu trong vận động và phát triển không ngừng, từ đó phát hiện vấn đề có tính quy luật phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu.

- Cơ sở lý luận: dựa trên các vấn đề về kinh tế vĩ mô, vi mô, thị trường tài chính.

- Phương pháp cụ thể:

+ Phương pháp thống kê: thống kê mô tả, thu thập và xử lý thông tin từ các nguồn tìm kiếm từ đó phân tích diễn giải.

+ Phương pháp phân tích, tổng hợp: Sàng lọc và đúc kết từ thực tiễn kết hợp với lý luận để đưa ra giải pháp cho vấn đề đặt ra.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài nghiên cứu được trình bày gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phòng ngừa rủi ro tín dụng trong hoạt động tín dụng của NHTM

Chương 2: Thực trạng công tác phòng ngừa rủi ro tín dụng của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Để thực hiện đề tài tôi đã đọc và nghiên cứu các tài liệu sau:

[1].Luận văn của tác giả Trần Thị Mỹ Lệ (2009) “ *Giải pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng tại chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn khu vực miền trung.*” Luận văn thạc sỹ quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng.

[2].Luận văn của tác giả Võ Xuân Hoàn (2011) “*Quản trị rủi ro tín dụng tại chi nhánh ngân hàng Công Thương Quảng Nam.*” Luận văn thạc sỹ quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng.

[3].Luận văn của tác giả Nguyễn Thị Thu Hiền (2012) “ *Giải pháp hạn chế và xử lý nợ xấu tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.*” Luận văn thạc sỹ quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng.

[4].Luận văn của tác giả Lương Khắc Trung (2012) “*Giải pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro cho vay doanh nghiệp tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn quận Sơn Trà – thành phố Đà Nẵng.*” Luận văn thạc sỹ quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÒNG NGỪA RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

Trong Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 , phần giải thích thuật ngữ không có định nghĩa riêng về tín dụng. Thuật ngữ “ *Hoạt động tín dụng*” được giải thích như sau: “ *Hoạt động tín dụng là việc tổ chức tín dụng sử dụng nguồn vốn tự có, nguồn vốn huy động để cấp tín dụng*”. Tiếp đó, thuật ngữ cấp tín dụng được giải thích: “*Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.*”.

Như vậy theo giải thích nói trên, thì bản chất của tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng cấp một khoản tiền cho khách hàng sử dụng và có nguyên tắc hoàn trả.

1.2. RỦI RO TÍN DỤNG

1.2.1. Khái niệm và phân loại rủi ro tín dụng

a. Khái niệm rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro lớn nhất trong các loại rủi ro ngân hàng, thường xuyên xảy ra và gây hậu quả nặng nề nhất. Việc đánh giá rủi ro này thường là trách nhiệm chính của ngành ngân hàng. Hoạt động của Ngân hàng thương mại chủ yếu là hoạt động tín dụng và đầu tư, thông thường trên thế giới nó mang lại 2/3 thu nhập, còn ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, thu nhập từ hoạt động tín dụng mang lại thường chiếm 90% tổng thu nhập của mỗi Ngân hàng. Thu nhập cao nhưng đồng thời rủi ro trong lĩnh vực này cũng đưa lại cho ngân hàng những thiệt hại nặng nề có thể dẫn tới phá sản. Có nhiều định nghĩa khác nhau về rủi ro tín dụng:

Theo khoản 1 Điều 2 Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng ban hành theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Thống đốc NHNN, “*Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết*”.

Từ các định nghĩa trên ta có thể rút ra nội dung cơ bản của rủi ro tín dụng như sau: **Rủi ro tín dụng** là những thiệt hại kinh tế mà ngân hàng thương mại phải gánh chịu do khách hàng vay vốn sai hẹn trong thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn gốc và nợ lãi hoặc không hoàn trả được nợ vay của ngân hàng do các nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan. Rủi ro tín dụng gây tổn thất về tài chính cho NHTM, đó là làm giảm thu nhập ròng và giảm giá trị thị trường của vốn; trong trường hợp nghiêm trọng có thể dẫn đến thua lỗ, hoặc ở mức độ cao hơn có thể dẫn đến phá sản.

b. Phân loại rủi ro tín dụng (Sơ đồ 1.1 trang 11 của luận văn)

1.2.2. Nguyên nhân rủi ro tín dụng

a. Rủi ro tín dụng do nguyên nhân từ khách hàng

b. Rủi ro tín dụng do nguyên nhân từ ngân hàng

c. Rủi ro tín dụng do nguyên nhân khác

1.2.3. Hậu quả của rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng luôn tiềm ẩn trong kinh doanh ngân hàng và đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng nhiều mặt đến đời sống kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, thậm chí có thể lan rộng trên phạm vi toàn cầu.

- Đối với ngân hàng bị rủi ro
- Đối với hệ thống ngân hàng
- Đối với nền kinh tế
- Trong quan hệ kinh tế đối ngoại

1.3. PHÒNG NGỪA RỦI RO TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.3.1. Nội dung phòng ngừa RRTD

a. Khái niệm

Khái niệm phòng ngừa rủi ro nói chung: đó là những kỹ thuật, những công cụ, những chiến lược và những quá trình nhằm biến đổi rủi ro của một tổ chức thông qua việc né tránh, ngăn ngừa, giảm thiểu mức độ của rủi ro và tổn thất.

Phòng ngừa RRTD của NHTM là quá trình tiến hành các biện pháp nghiệp vụ nhằm ngăn ngừa trước những trường hợp không may, bất trắc sẽ xảy ra tại một ngân hàng có khả năng đem lại tổn thất tín dụng. Phòng ngừa rủi ro tín dụng là những hoạt động nhằm giảm thiểu rủi ro trước khi rủi ro xảy ra. Phòng ngừa rủi ro tín dụng được thực hiện xuyên suốt trước, trong và sau khi cho vay.

b. Các biện pháp sử dụng để phòng ngừa rủi ro tín dụng

- *Phân tán rủi ro tín dụng*
- *Chọn lọc người vay và giám sát quá trình sử dụng tiền vay.*
- *Thực hiện đúng quy trình quản lý tín dụng*
- *Phân tích tín dụng và đánh giá khả năng xảy ra rủi ro của mỗi khoản vay trước khi ra quyết định cho vay.*
- *Thường xuyên đánh giá phân loại tín dụng, xếp loại khách hàng*
- *Giám sát tín dụng*
- *Trích lập quỹ dự phòng rủi ro*
- *Bảo hiểm tín dụng*

c. Công tác quản trị rủi ro tín dụng

Phòng ngừa rủi ro tín dụng là phải dựa vào quản trị rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng được dựa trên hàng loạt những nguyên tắc, trong đó bao gồm một số nguyên tắc cơ bản. Chính sách quản trị rủi ro ngân hàng phải được xem là một cấu phần trong chiến lược hoạt động chung của ngân hàng và nó đòi hỏi phải xây dựng được một hệ thống phòng chống từ xa, đưa ra được giải pháp nhằm điều tiết các tác động xấu đến tình hình tài chính của ngân hàng.

1.3.2. Tiêu chí đánh giá kết quả phòng ngừa rủi ro tín dụng của NHTM

- a. Cơ cấu nhóm nợ*
- b. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu*
- c. Mức giảm tỷ lệ xóa nợ ròng trong kỳ*
- d. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro*

1.3.3. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro tín dụng của NHTM

Phòng ngừa rủi ro tín dụng chịu sự tác động của nhiều nhân tố

khác nhau, có thể phân chia những nhân tố này thành 2 loại chính như sau:

- Nhóm nhân tố bên trong ngân hàng
- Nhóm nhân tố bên ngoài ngân hàng

a. Nhóm nhân tố bên trong ngân hàng:

- * Nguồn nhân lực
- * Nhân tố hạ tầng, công nghệ
- * Quy mô hoạt động của ngân hàng

b. Nhóm nhân tố bên ngoài

- * *Từ phía khách hàng vay*
- * *Môi trường kinh tế*
- * *Môi trường pháp lý*
- * *Môi trường tài chính*

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong hoạt động kinh doanh ngân hàng luôn chứa đựng những rủi ro tiềm ẩn với nhiều phương thức khác nhau, trong đó rủi ro tín dụng là loại hình rủi ro chiếm tỷ trọng lớn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Trong chương đầu tiên của đề tài tập trung tiếp cận một cách hệ thống những vấn đề cơ bản về khái niệm tín dụng ngân hàng, rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại. Từ những vấn đề mang tính chất cơ bản về tín dụng và rủi ro trong hoạt động tín dụng trong chương này cũng nêu ra những quan điểm, tiêu chí, nhân tố ảnh hưởng đến phòng ngừa rủi ro tín dụng tại ngân hàng thông qua những nội dung mang tính chất lý luận này tạo cơ sở và làm sáng tỏ cho việc phân tích thực trạng rủi ro tín dụng tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA RỦI RO TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHI NHÁNH QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG

2.1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHI NHÁNH QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ

a. Chức năng

b. Nhiệm vụ

2.1.3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý

a. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý

b. Chức năng nhiệm vụ từng phòng ban

2.1.4. Kết quả hoạt động kinh doanh chủ yếu của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng .

a. Hoạt động huy động vốn

b. Hoạt động cho vay

2.2. THỰC TRẠNG PHÒNG NGỪA RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHI NHÁNH QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG

2.2.1. Phân tích kết quả phòng ngừa RRTD của chi nhánh trong thời gian qua

a. Sự cải thiện cơ cấu nhóm nợ

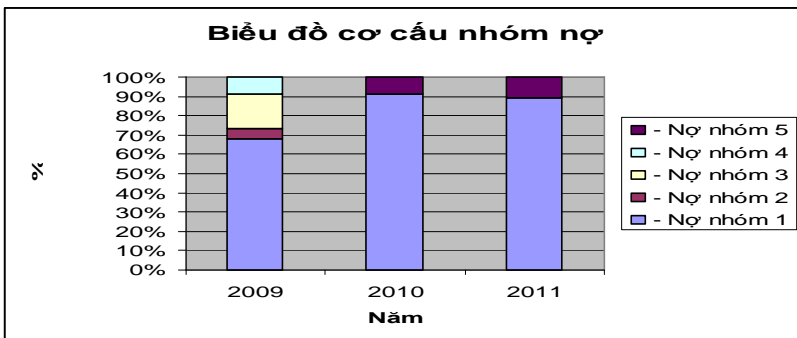
Bảng 2.4: Cơ cấu nhóm nợ

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Số tiền	T.T %	Số tiền	T.T%	Số tiền	T.T %
- Nợ nhóm 1	38	67.9%	54	91.5%	58	89.2%
- Nợ nhóm 2	3	5.4%	0	0.0%	0	0%
- Nợ nhóm 3	10	17.9%	0	0.0%	0	0%
- Nợ nhóm 4	5	8.9%	0	0.0%	0	0%
- Nợ nhóm 5	0	0.0%	5	8.5%	7	10.8%
Cộng	56	100.0%	59	100.0%	65	100.0%

(Nguồn: báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2009 – 2011)

Hiện nay tại Chi nhánh NHNo&PTNT quận Sơn trà thường sử dụng chỉ tiêu nợ xấu cơ cấu nhóm nợ để đánh giá chất lượng của dư nợ cho vay, chỉ tiêu nợ xấu và cơ cấu nhóm nợ chủ yếu dựa vào tiêu chí nợ quá hạn theo mức độ thời gian.



Sơ đồ 2.3: Biểu đồ cơ cấu nhóm nợ

Năm 2009 xuất hiện nợ từ nhóm 1 đến nhóm 5. Nhưng từ năm 2010 đến năm 2011 thì chỉ có nợ nhóm 1 và nhóm 5. Điều đó chứng tỏ chi nhánh đã có những nỗ lực lớn trong công tác phòng ngừa rủi ro để ngăn chặn từ xa nguy cơ phát sinh nợ xấu.

b. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu

Bảng 2.5: Tình hình nợ xấu tại chi nhánh

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	2009	2010	2011	So sánh	So sánh
				2010/2009	2011/2010
Tổng dư nợ	92	112	136	20	24
Nợ xấu	5	5	7	0	2
Tỷ lệ nợ xấu	5.43%	4.46%	5.15%	-0.97%	0.68%

(Nguồn: báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2009 – 2011)

Trong năm 2009, nợ xấu của chi nhánh là 5 tỷ đồng, nhưng sang năm 2010, nợ xấu không tăng không giảm vẫn là 5 tỷ đồng. Đến năm 2011 nợ xấu lại có dấu hiệu tăng nhẹ lên đến 2 tỷ đồng. Điều này cho thấy tính chất rủi ro trong cho vay của Ngân hàng có phần giảm xuống. Để đạt được thành quả này, toàn thể các cán bộ Ngân hàng đã phối hợp với nhau, cùng với ban Giám đốc nỗ lực tìm ra giải pháp khắc phục khó khăn trong những năm hoạt động. Ngoài những biện pháp xử lý để giảm nợ xấu nêu trên, chi nhánh còn đẩy mạnh công tác phòng ngừa rủi ro để tránh trường hợp nợ xấu phát sinh thêm.

c. Tình hình trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng quỹ dự phòng tại chi nhánh

Việc trích lập dự phòng chung và dự phòng cụ thể tại chi nhánh luôn được thực hiện đúng theo quy định.

Bảng 2.6: Tình hình trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng quỹ dự phòng tại chi nhánh

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Trích lập DP	1.9	3.9	2.9
<u>Trong đó:</u>			
DP chung	0.7	0.8	0.6
DP cụ thể	1.2	3.1	2.3
Tỷ lệ trích lập DP cụ thể/DNợ	1.3%	2.8%	1.7%
Sử dụng DP	1.5	0	0
<u>Trong đó</u>			
DP chung	0.3	0	0
DP cụ thể	1.2	0	0

(Nguồn: báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2009 – 2011)

Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể từ năm 2009 đến năm 2010 có xu hướng tăng lên, nhưng từ năm 2010 đến 2011 lại giảm. Và trong 2 năm 2010 và 2011 nhờ chi nhánh đôn đốc thu hồi nợ, buộc khách hàng phải bán các tài sản sử dụng không hiệu quả, tăng thêm vốn góp và sử dụng các nguồn khác để trả nợ vay ngân hàng nên không sử dụng quỹ dự phòng rủi ro.

2.2.2. Các biện pháp chi nhánh đã sử dụng để phòng ngừa RRTD trong thời gian qua

a. Tăng cường công tác đánh giá, xếp hạng, sàng lọc khách hàng trước khi cho vay

Kiểm tra thực tế, thu thập, tổng hợp và xác minh thông tin về khách hàng. Ngân hàng đã thận trọng, xem xét thẩm định kỹ hồ sơ vay vốn của khách hàng, xác định chính xác đối tượng cho vay, thực hiện đúng các nguyên tắc và các điều kiện vay vốn. Ngoài ra ngân hàng còn tư vấn cho khách hàng những phương hướng kinh doanh đúng đắn, nhằm tránh được rủi ro cho khách hàng làm ăn có hiệu quả. Chi nhánh còn chú trọng đến công tác lựa chọn khách hàng. Ngân hàng đã chú trọng đến đối tượng cho vay, kiên quyết không cho vay đối với những khách hàng không đủ điều kiện về tư cách đạo đức, về tình hình tài chính, về tài sản thế chấp, về phương án kinh doanh và những đối tượng khách hàng thực hiện vay đảo nợ.

b. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát trong và sau khi cho vay

Hoạt động kiểm tra trong khi cho vay được thực hiện trong trong quá trình giải ngân thông qua việc kiểm soát chứng từ giải ngân và quy trình phê duyệt giải ngân. Tại Chi nhánh NHNo&PTNT quận Sơn trà hoạt động này thực hiện rất chặt chẽ.

c. Các biện pháp bảo đảm tiền vay

Hiện nay tại chi nhánh việc cho vay doanh nghiệp gần như hoàn toàn đều áp dụng bắt buộc phải có tài sản bảo đảm. Tài sản bảo đảm gồm: đất đai, nhà xưởng, phương tiện vận tải, phương tiện thi công, máy móc thiết bị, tài sản hình thành từ vốn vay và quyền đòi nợ của chính doanh nghiệp vay vốn hoặc bảo lãnh của bên thứ ba. Đối với tài sản bảo đảm là đất đai nhà ở dân cư, đối tượng ngân hàng

nhận thế chấp chủ yếu là sở hữu của thành viên thuộc HĐQT, ban lãnh đạo doanh nghiệp bởi mục đích để có sự ràng buộc trách nhiệm với quyền lợi trong sử dụng vốn vay. Hạn chế nhận tài sản của bên ngoài nhằm hạn chế tranh chấp và khó khăn phát sinh khi giải quyết sau này. Nhìn chung, công tác thẩm định tài sản bảo đảm tại Chi nhánh là hiệu quả và an toàn, chưa có trường hợp nào khi xử lý tài sản mà thu không đủ nợ gốc và lãi.

d. Đa dạng hoá và phân tán rủi ro

Trong hoạt động tín dụng doanh nghiệp, tại chi nhánh NHNo&PTNT quận Sơn Trà đến thời điểm hiện nay chỉ mới thực hiện cho vay khách hàng là DNNVV với ngành nghề, thời hạn và loại hình khác nhau, tuy nhiên vẫn có những hạn chế.

e. Tình hình thực hiện trích lập dự phòng tại chi nhánh

+ Trích lập dự phòng cụ thể: Tại Chi nhánh công tác trích lập dự phòng luôn được thực hiện đầy đủ, kịp thời và tuân thủ theo quy định, việc trích lập được thực hiện hàng quý, chậm nhất là vào ngày 10 của tháng đầu quý, riêng đối với quý IV chậm nhất vào ngày 10 tháng 12, căn cứ trích lập dựa vào số liệu đến ngày 30/11.

+ Trích lập dự phòng chung: Dự phòng chung được trích theo theo cơ cấu dư nợ cuối năm trên tổng dư nợ nợ nhóm 1 đến nhóm 4 nhân với tỷ lệ phải trích.

2.2.3.Đánh giá chung hoạt động phòng ngừa rủi ro tín dụng tại chi nhánh

a. Những thành tựu đạt được

Trong thời gian qua, chi nhánh đã đặc biệt chú trọng tới công tác phòng ngừa rủi ro tín dụng, vì vậy công tác này đã đạt được một số thành quả nhất định. Kết quả đạt được qua việc tình hình rủi ro cho

vay doanh nghiệp tại Chi nhánh đã và đang được kiểm soát. Tôn thất thật sự do rủi ro tín dụng tại Chi nhánh phải bù đắp bằng quỹ dự phòng là rất thấp

b. Những mặt còn hạn chế

Ngoài những mặt đã đạt được, phòng ngừa rủi ro tín dụng tại chi nhánh còn có những mặt hạn chế sau:

- Mức độ tin cậy của kết quả xếp loại tín dụng nội bộ chưa đáp ứng được yêu cầu về việc để đưa ra quyết định cho vay hoặc từ chối cho vay, sàng lọc và lựa chọn khách hàng

- Công tác thẩm định khách hàng vay vốn chủ yếu tập trung vào thẩm định về mặt tài chính, CBTD chủ yếu dựa vào số liệu và tình hình mà khách hàng cung cấp, thiếu kiểm tra xác minh do vậy nên tính phản biện trong báo cáo thẩm định chưa cao.

- Công tác kiểm tra giám sát sau khi cho vay tại chi nhánh không được tiến hành kịp thời, đầy đủ, thường xuyên và đảm bảo chất lượng. Việc kiểm tra sau khi cho vay còn mang tính hình thức, đối phó, chủ yếu dựa vào chứng từ, thông tin khách hàng cung cấp, ít kiểm tra tại hiện trường thực tế

- Việc định giá tài sản bảo đảm nợ vay nhiều khi còn mang tính chủ quan, chưa có bộ phận định giá độc lập, công tác đánh giá lại còn chưa kịp thời nhất là đối với các loại tài sản như máy móc thiết bị, phương tiện thi công, phương tiện vận tải với đặc điểm là mức độ hao mòn lớn và giá trị giảm nhanh.

- Tính đa dạng hóa trong đầu tư tín dụng còn thấp: mới chỉ dừng lại cho vay bằng nội tệ chưa có cho vay bằng ngoại tệ, ngành nghề cho vay chưa phong phú, chủ yếu tập trung vào các như xây dựng, thương mại dịch vụ, khách sạn lưu trú.

c. Nguyên nhân dẫn đến những mặt còn hạn chế

Nguyên nhân chủ quan

- Về phía khách hàng:
- + Đối với khách hàng doanh nghiệp:
- + Đối với khách hàng cá nhân:
- Về phía ngân hàng:

Hạn chế về chất lượng chuyên môn nghiệp vụ: một số cán bộ tín dụng hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thẩm định chưa cao.

Công tác kiểm tra và xác minh thông tin về khách hàng gặp rất nhiều khó khăn.

Ngân hàng đôi khi quá chú trọng về lợi nhuận, đặt những khoản vay có lợi nhuận cao hơn những khoản vay lành mạnh.

Do áp lực cạnh tranh với các ngân hàng khác.

Nguyên nhân khách quan

Môi trường kinh doanh bất ổn do ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên (thiên tai, dịch bệnh...) hay sự biến động quá nhanh và không dự đoán được của thị trường thế giới (khủng hoảng kinh tế, lạm phát, giá cả các mặt hàng thay đổi đột biến) gây tổn thất cho khách hàng vay vốn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong phạm vi nghiên cứu, chuyên đề tập trung trong việc phân tích đánh giá thực trạng rủi ro tín dụng của Chi nhánh thông qua những dữ liệu thu thập được đã nêu lên được tình hình hoạt động của Ngân hàng từ khâu huy động vốn đến hoạt động cho vay đồng thời nắm bắt thực trạng và các biện pháp phòng ngừa rủi ro đang được thực hiện tại Chi nhánh. Và những giải pháp nhằm nâng cao và hoàn thiện hoạt động phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHI NHÁNH QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHI NHÁNH QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG

3.1.1. Định hướng chung của NHNo&PTNT Việt Nam

Định hướng chung của NHNo&PTNT Việt Nam là tiếp tục tăng trưởng bền vững; lấy an toàn, chất lượng và hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu trong hoạt động; tiếp tục chuyển đổi cơ cấu hoạt động, đổi mới cách thức quản lý, quản trị kinh doanh hướng tới các chuẩn mực và thông lệ quốc tế của NHTM hiện đại; đẩy mạnh hoạt động dịch vụ, công nghệ theo hướng đột phá, đưa vào khai thác các sản phẩm, dịch vụ mới; gắn tăng trưởng hoạt động dịch vụ với nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động và đổi mới cơ cấu tài sản nợ, tài sản có; trích đủ dự phòng rủi ro, hoạt động và kiểm soát được rủi ro trong giới hạn và thông lệ chung, quản lý tài sản nợ, tài sản có hữu hiệu để đạt được mục tiêu kinh doanh cao.

3.1.2. Định hướng của NHNo&PTNT chi nhánh quận Sơn Trà

Trên cơ sở định hướng của NHNo&PTNT VN và NHNo&PTNT TP.Đà Nẵng Chi nhánh NHNo&PTNT quận Sơn Trà đã đề ra những định hướng như sau:

Về công tác tín dụng Chi nhánh đưa ra định hướng cụ thể: Tăng trưởng dư nợ dựa trên việc tài trợ vốn chú trọng đối những khách hàng truyền thống cùng với việc tìm kiếm và tiếp cận những

dự án, phương án hiệu quả. Bên cạnh đó chi nhánh phải chuyển cơ cấu cho vay theo hướng mở rộng cho vay với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Tổ chức thực hiện tốt hoạt động quản trị rủi ro, đánh giá lại các lĩnh vực đầu tư cũng như đa dạng hoá danh mục đầu tư, hạn chế phát sinh nợ xấu mới và tích cực sử dụng mọi biện pháp thu hồi nợ xấu trước đây, cố gắng giảm tỷ lệ nợ xấu xuống dưới mức 3%.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA RỦI RO TÍN DỤNG NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHI NHÁNH QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG

3.2.1. Phân tích khách hàng thường xuyên và chủ động

Để hạn chế rủi ro tín dụng, việc phân tích khách hàng là hết sức cần thiết, trên cơ sở đó ngân hàng sẽ có chính sách tín dụng cụ thể áp dụng đối với từng đối tượng khách hàng.

* Đối với khách hàng là doanh nghiệp:

Phân tích khách hàng bao giờ cũng là công việc quan trọng của cán bộ tín dụng. Khi có nhu cầu vay vốn khách hàng phải xuất trình các tài liệu liên quan đến năng lực pháp lý, đến khả năng tài chính, và quan trọng nhất là kế hoạch kinh doanh của mình. Phân tích khách hàng thường xuyên và chủ động ở đây đòi hỏi cán bộ tín dụng phải theo dõi tình hình khách hàng trước, trong và sau khi cấp vốn vay.

* Đối với cho vay tiêu dùng:

Chi nhánh cũng nên có hệ thống chấm điểm tín dụng đối với khách hàng vay tiêu dùng để cán bộ dễ dàng hơn trong quá trình cho vay.

Hệ thống chấm điểm tín dụng nên phải thường xuyên thay đổi để không rơi vào tình trạng không cân xứng về thông tin.

3.2.2. Tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ

Đội ngũ cán bộ là nhân tố chủ yếu quyết định thành công của hoạt động ngân hàng, là bộ mặt chính của ngân hàng. Chính vì lẽ đó việc hoàn thiện đội ngũ cán bộ cho toàn ngân hàng nói chung và đội ngũ cán bộ phòng tín dụng nói riêng sẽ góp phần chủ yếu vào thực hiện mục tiêu mở rộng tín dụng và nâng cao chất lượng tín dụng của ngân hàng.

Cán bộ tín dụng ngoài năng lực chuyên môn giỏi cũng cần có phẩm chất đạo đức tốt bởi vì trong tình trạng luôn tiếp xúc với đồng tiền nếu không giữ vững phẩm chất đạo đức sẽ dễ bị cám dỗ của vật chất dẫn đến hành vi tiêu cực sai trái làm tổn hại đến uy tín của ngân hàng.

a. Yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp

b. Yêu cầu về trình độ quản lý

3.2.3 Thực hiện đúng quy trình tín dụng, nâng cao chất lượng thẩm định

Trong thực hiện qui trình tín dụng cần tuân thủ đúng qui trình, việc xét duyệt cho vay phải đảm bảo khả năng thu hồi vốn. Thông thường cán bộ tín dụng phải kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay.

3.2.4. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra sau cho vay

Để tránh xảy ra tình trạng kiểm tra sau chỉ mang tính hình thức đối phó, chi nhánh cần phải yêu cầu và kiểm tra việc thực hiện đối với CBTD các nội dung kiểm tra cụ thể qua mẫu kiểm tra với các nội dung mang tính bắt buộc như:

- Kiểm tra qua hồ sơ chứng từ
- Kiểm tra tại hiện trường

3.2.5. Nâng cao hiệu quả công tác thông tin phòng ngừa rủi ro, dự báo rủi ro tiềm ẩn

Thông tin là yếu tố không thể thiếu được cho việc thẩm định dự án, thẩm định khách hàng. Thông tin thu thập càng nhanh, đầy đủ, chính xác thì càng giúp cho việc thẩm định được thuận lợi hơn.

3.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Đặc điểm của người làm công tác kiểm soát nội bộ là đứng ngoài qui trình tín dụng và phát hiện những chỗ thiếu sót của cán bộ tín dụng. Trách nhiệm của người kiểm soát là phải báo cáo cho ban lãnh đạo của chi nhánh, họ không chịu trách nhiệm trước những thiếu sót của cán bộ tín dụng mà chỉ chịu trách nhiệm trước các báo cáo với ban lãnh đạo chi nhánh.

3.2.7. Xây dựng quy trình tín dụng chặt chẽ

Các giải pháp trên chỉ phòng ngừa phần nào rủi ro trong hoạt động tại chi nhánh. Dầu vậy, Chi nhánh cũng không thể tránh khỏi các tổn thất có xảy ra. Muốn phòng ngừa tốt rủi ro tín dụng Ngân hàng phải xây dựng các hệ thống sau đây:

- a. Hệ thống xếp hạng tín dụng*
- b. Hệ thống quản lý tài sản đảm bảo*
- c. Hệ thống giới hạn tín dụng*
- d. Hệ thống báo cáo rủi ro*

3.2.8. Phát triển công nghệ ngân hàng

Những thành công to lớn sau 20 năm đổi mới hoạt động ngân hàng đã làm thay đổi căn bản về chất hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Trong những thành công đó phải kể đến vai trò của công nghệ. Chính công nghệ đã tạo nên nền móng vững chắc để các ngân hàng Việt Nam trụ vững trong cuộc cạnh tranh ngày càng khốc liệt những năm qua. Cũng chính công nghệ ngân hàng giúp lãnh

đạo có thể quản lý tài sản, an toàn hệ thống tốt hơn, nhất là quản lý rủi ro tín dụng. Nhờ việc áp dụng công nghệ hiện đại mà các chi nhánh trong cùng hệ thống có thể thông tin cho nhau về tình hình hoạt động của khách hàng cùng quan hệ tín dụng trong hệ thống một cách nhanh nhất; các ngân hàng có thể phối hợp để cho vay và quản lý khoản vay đối với một khách hàng, tránh việc nhiều ngân hàng cùng cho vay một công trình, một dự án mà không thông qua đồng tài trợ, dẫn đến rủi ro trong hoàn trả nợ; công nghệ giúp hệ thống thanh toán được trôi chảy làm hạn chế rủi ro tín dụng bởi vì việc thanh toán của khách hàng được thực hiện qua ngân hàng và ngân hàng có thể quản lý được luồng tiền của khách hàng... vì thế ngân hàng cần:

a. Tiêu chuẩn hoá và hiện đại hoá tất cả các nghiệp vụ ngân hàng

b. Đa dạng hoá các loại hình nghiệp vụ

c. Đầu tư vào những kỹ thuật tiên tiến nhằm phòng ngừa các rủi ro do thông tin không kịp thời, chính xác

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với ngân hàng nhà nước

- Đẩy mạnh hoạt động của trung tâm phòng ngừa rủi ro.
- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát đối với các hoạt động của

NHTM

3.3.2. Đối với nhà nước

Nhà nước cần thiết phải hoàn thiện các văn bản pháp quy và có những quy định cụ thể đủ đảm bảo an toàn cho các hoạt động của ngân hàng.

3.3.3. Đối với NHNo&PTNT Việt Nam

- NHNo&PTNT Việt nam nên xây dựng mô hình quản lý tín dụng theo hướng sau:

- + Hoàn thiện bộ máy quản trị rủi ro tín dụng từ trụ sở chính đến các chi nhánh với sự phân cấp rõ ràng về mức phán quyết
- + Phân tách bộ phận tín dụng thành các bộ phận chuyên môn khác nhau
- Xây dựng bộ phận thu thập, hệ thống hóa và cập nhật thông tin

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Nội dung chương 3 nêu rõ những vấn đề liên quan đến phòng ngừa rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Tuy chưa nêu một cách đầy đủ và chi tiết về tất cả các giải pháp để phòng ngừa rủi ro tín dụng song theo em, các giải pháp này tương đối có ý nghĩa đối với tình hình thực tế của chi nhánh hiện nay.

Với những giải pháp mà em nêu ra, em tin rằng việc thực hiện các giải pháp trên một cách đồng bộ và kiên trì sẽ giúp cho ngân hàng có thể duy trì sự an toàn, ổn định lâu dài trong hoạt động tín dụng của mình .

KẾT LUẬN

Trong xu thế phát triển của nền kinh tế, việc đổi mới, nâng cao chất lượng tín dụng và hạn chế rủi ro tín dụng luôn là yêu cầu cấp bách không chỉ của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng mà còn là của tất cả các Ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay.

Qua phân tích thực trạng hoạt động tín dụng của Ngân hàng, những rủi ro và nguyên nhân gây ra rủi ro trong hoạt động tín dụng. Đồng thời nhận rõ những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng. Em đã mạnh dạn đề xuất một số giải pháp cơ bản để phòng ngừa và những kiến nghị nhằm đảm bảo nâng cao hơn nữa chất lượng tín dụng. Song có thể nói ngăn chặn rủi ro một cách tuyệt đối là hoàn toàn thiếu thực tế. Do vậy, trong quá trình kinh doanh, mỗi Ngân hàng phải biết chấp nhận rủi ro ở một mức độ nhất định có thể chấp nhận được đảm bảo cho hoạt động của Ngân hàng ổn định và phát triển vững chắc. Rủi ro tín dụng như đã đề cập trong luận văn này là một khía cạnh trong bối cảnh chung về rủi ro của Ngân hàng. Do đó, sử dụng tổng hợp và linh hoạt các biện pháp phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng là cách tốt nhất để hạn chế rủi ro trong kinh doanh Ngân hàng. Tuy nhiên đây cũng chỉ là những giải pháp sơ lược, mang tính lý thuyết và được đưa ra dưới góc độ nghiên cứu cá nhân. Mặt khác, do năng lực và hiểu biết còn hạn chế nên luận văn này không tránh khỏi những sai sót.